

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2017*



**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2
  - Mã chứng khoán: C32
  - Địa chỉ trụ sở chính: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
  - Điện thoại: 0274 3759 446                      - Fax: 0274 3755 605
  - Người thực hiện công bố thông tin: Lữ Minh Quân                      Chức vụ: Thư ký công ty.
- Loại thông tin công bố: Công bố thông tin định kỳ.

**Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 đã được soát xét và giải trình số liệu lũy kế từ đầu năm 2017 tại Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2017 đã công bố chênh lệch so với Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/08/2017 tại đường dẫn: <http://cic32.com.vn> (Mục Quan hệ cổ đông – Báo cáo tài chính năm 2017).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

**Tài liệu đính kèm:**

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tt);
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
- CV giải trình số liệu chênh lệch.

**Lữ Minh Quân**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 517/CTY-TGD

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2017

(V/v giải trình chênh lệch số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2017 sau khi soát xét)

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Tên công ty:** Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

**Mã chứng khoán:** C32

**Địa chỉ trụ sở chính:** Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiêt, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**Điện thoại:** 0650.3759446

**Fax:** 0650.3755605

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2017 đã soát xét của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2;

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 xin giải trình về việc chênh lệch một số số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2017 đã soát xét chênh lệch so với số liệu lũy kế năm 2017 trên báo cáo quý 2 năm 2017 như sau:

- Điều chỉnh tiền đặt cọc mua cổ phiếu của Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức Long An 2.600.000.000 đồng làm tăng Trả trước người bán ngắn hạn tăng và giảm Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Ghi nhận bổ sung cổ tức được chia năm 2016 của Công ty CP Miền Đông 516.598.500 đồng làm tăng Phải thu ngắn hạn khác và giảm Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;

- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm 181.016.334 đồng do giảm thuế TNDN 245.878.773 đồng theo điều chỉnh kết quả kinh doanh và tăng phí bảo vệ môi trường 64.072.439 đồng do hạch toán thiếu tính được bổ sung vào giá vốn trong kỳ.



- Chi phí phải trả ngắn hạn tăng 1.165.321.429 đồng do trích bổ sung kinh phí hỗ trợ địa phương liên quan đến hoạt động khai thác đá theo cam kết vào giá vốn.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng chênh lệch một số số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2017 đã soát xét chênh lệch so với số liệu lũy kế năm 2017 trên báo cáo quý 2 năm 2017./.

Trân trọng !

*Nơi nhận :*

- Như trên;
- Lưu.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Võ Văn Lĩnh*



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09 - 35



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 03 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lành	Chủ tịch	
Ông Trần Văn Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2017
Ông Nguyễn Xuân Hiếu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2017
Ông Nguyễn Thế Phi	Ủy viên	
Bà Lê Thị Quyết	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2017
Ông Nguyễn Thế Sự	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2017
Ông Huỳnh Hữu Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2017
Ông Phan Thành Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lành	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phan Thị Thanh Xuân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22/04/2017
Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 22/04/2017
Bà Phạm Thị Thùy Tiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/04/2017
Ông Lý Thanh Châu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/04/2017
Ông Văn Hoàng Tùng	Thành viên	

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2017

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Võ Văn Lãnh**





Số: 1988 /2017/BC.SXTC-AASC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 được lập ngày 05 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-13-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>362.920.573.566</b>	<b>373.711.509.403</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>49.440.552.094</b>	<b>26.696.985.962</b>
111	1. Tiền		19.330.260.242	18.488.220.086
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.110.291.852	8.208.765.876
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	<b>122.591.875.342</b>	<b>150.917.522.400</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	27.821.819.275
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		122.591.875.342	123.095.703.125
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>123.239.368.765</b>	<b>138.021.864.733</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	46.531.775.452	64.745.229.696
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	26.587.898.453	2.624.886.319
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	51.594.541.027	72.089.374.907
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.474.846.167)	(1.437.626.189)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	09	<b>67.648.777.365</b>	<b>58.075.136.308</b>
141	1. Hàng tồn kho		67.845.858.246	58.279.056.942
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(197.080.881)	(203.920.634)
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>260.638.931.092</b>	<b>179.193.406.380</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>96.010.055.381</b>	<b>97.641.986.735</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	50.869.186.049	52.006.170.461
222	- Nguyên giá		131.146.753.037	127.435.263.961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(80.277.566.988)	(75.429.093.500)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	45.140.869.332	45.635.816.274
228	- Nguyên giá		79.202.887.427	79.099.887.427
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.062.018.095)	(33.464.071.153)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	13	<b>4.486.834.919</b>	<b>4.306.024.779</b>
231	- Nguyên giá		4.823.833.632	4.446.308.457
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(336.998.713)	(140.283.678)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>23.147.375.301</b>	<b>5.651.472.424</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	23.147.375.301	5.651.472.424
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>70.599.120.080</b>	<b>200.887.800</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		70.599.120.080	200.887.800
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>66.395.545.411</b>	<b>71.393.034.642</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	64.221.726.865	69.219.216.096
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	34	2.173.818.546	2.173.818.546
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>623.559.504.658</b>	<b>552.904.915.783</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>218.198.173.049</b>	<b>172.628.504.087</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>204.600.813.049</b>	<b>159.031.144.087</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	26.508.668.272	21.683.495.497
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.304.709.524	16.826.617.410
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	25.507.279.383	27.339.727.974
314	4. Phải trả người lao động		4.882.374.750	11.448.855.477
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	12.887.015.258	14.736.574.780
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	22.144.349.900	9.126.446.221
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	94.121.648.804	49.082.746.501
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	429.107.147	284.604.282
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.815.660.011	8.502.075.945
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>13.597.360.000</b>	<b>13.597.360.000</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	13.597.360.000	13.597.360.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>405.361.331.609</b>	<b>380.276.411.696</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	22	<b>405.361.331.609</b>	<b>380.276.411.696</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		136.639.920.000	112.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		136.639.920.000	112.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.190.000.000	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		105.322.664.416	102.524.405.374
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		161.208.747.193	165.752.006.322
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		120.580.966.047	85.865.417.278
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		40.627.781.146	79.886.589.044
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>623.559.504.658</b>	<b>552.904.915.783</b>


Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




  
 Võ Văn Lãnh

Đỗ Việt Cường

Nguyễn Xuân Hiếu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	248.131.790.927	237.245.624.734
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	332.679.000	3.427.442.747
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		247.799.111.927	233.818.181.987
11	4. Giá vốn hàng bán	26	185.387.718.447	164.612.943.314
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.411.393.480	69.205.238.673
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	5.663.854.159	5.009.294.512
22	7. Chi phí tài chính	28	2.432.023.101	898.889.236
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.432.023.101	898.889.236
25	8. Chi phí bán hàng	29	8.049.325.234	7.004.536.734
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	7.615.220.369	7.576.352.637
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.978.678.935	58.734.754.578
31	11. Thu nhập khác	31	651.641.829	3.736.672.475
32	12. Chi phí khác	32	84.043.687	446.969.821
40	13. Lợi nhuận khác		567.598.142	3.289.702.654
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50.546.277.077	62.024.457.232
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	9.918.495.931	12.734.349.016
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		40.627.781.146	49.290.108.216
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	3.627	4.401

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Võ Văn Lãnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		281.636.516.378	303.763.696.987
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(156.716.873.419)	(193.435.028.126)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(32.334.192.345)	(28.735.514.695)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(2.432.023.101)	(883.128.596)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.512.727.893)	(17.389.496.465)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		385.482.913	7.053.597.219
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(35.372.260.888)	(53.248.284.186)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>44.653.921.645</i>	<i>17.125.842.138</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(35.648.480.599)	(50.127.824.336)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.496.172.217)	(17.290.206.380)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.000.000.000	2.776.566.611
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(42.576.413.005)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.341.808.005	3.575.147.771
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(71.379.257.816)</i>	<i>(61.066.316.334)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		4.430.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		128.627.915.643	129.092.382.836
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(83.589.013.340)	(83.962.922.859)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(13.439.430.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>49.468.902.303</i>	<i>31.690.029.977</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>22.743.566.132</i>	<i>(12.250.444.219)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		26.696.985.962	21.859.220.439
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>49.440.552.094</u>	<u>9.608.776.220</u>

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu



Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Võ Văn Lãnh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 03 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 136.639.920.000 VND tương đương với 13.663.992 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng dân dụng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê đất; văn phòng; nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ môi giới bất động sản, môi giới chứng khoán, môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài, môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất gạch, ngói (theo công nghệ Tuynel);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt trang thiết bị: bảo vệ, báo động; hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình xây dựng;
- Hoạt động kho bãi (trừ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất, đất sét (chỉ được khai thác khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền);
- Chế biến đá;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, đấu giá tài sản;
- Tư vấn công trình (trừ thiết kế công trình);
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: góp vốn, mua cổ phần.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, trong kỳ Công ty đã phát hành thành công 2.463.992 cổ phiếu tương ứng tăng vốn điều lệ từ 112.000.000.000 VND lên 136.639.920.000 VND. Trong đó, phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số lượng 224.000 cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển với số lượng 2.239.992 cổ phiếu, thời điểm hoàn thành việc tăng vốn là 30/06/2017.

Theo chủ trương đầu tư vốn vào đơn vị khác tương tự để mở rộng ngành nghề kinh doanh, Công ty đã tiến hành mua 1.033.197 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Miền Đông và 1.662.187 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức Long An.

Trong kỳ, tỷ lệ lãi gộp đối với hoạt động sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do ảnh hưởng của hoạt động khai thác đá. Nguyên nhân do việc khai thác đá xuống sâu dẫn đến các chi phí khai thác tăng so với cùng kỳ năm trước.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Đá xây dựng	Số 635/1A QL 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Khai thác, chế biến đá
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Cống Bê tông	Số 5/138 Đại Lộ Bình Dương, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh Cống bê tông ly
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Xây lắp	Số 9C Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Xây lắp

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Đối với hoạt động xây lắp: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất cơ khí và công bê tông: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành..

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	48 - 50 năm
- Phần mềm	03 - 08 năm

## 2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao của nhà cửa, vật kiến trúc được ước tính là 15 năm.

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.13 . Vay và nợ

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".



**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thuê đất ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

**b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	571.293.245	486.469.928
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.758.966.997	18.001.750.158
Các khoản tương đương tiền (*)	30.110.291.852	8.208.765.876
	<b>49.440.552.094</b>	<b>26.696.985.962</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	122.591.875.342	122.591.875.342	123.095.703.125	123.095.703.125
	<b>122.591.875.342</b>	<b>122.591.875.342</b>	<b>123.095.703.125</b>	<b>123.095.703.125</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các Ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,7%/năm.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 100,223 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương (xem chi tiết tại Thuyết minh số 17).

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	27.821.819.275	-
<i>Công ty Cổ phần Hóa An <sup>(1)</sup></i>	-	-	27.821.819.275	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.821.819.275</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>70.599.120.080</b>	-	<b>200.887.800</b>	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	200.887.800	-	200.887.800	-
- Công ty Cổ phần Hóa An <sup>(1)</sup>	27.821.819.275	-	-	-
- Công ty Cổ phần Miền Đông <sup>(2)</sup>	11.699.509.550	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức Long An <sup>(2)</sup>	30.876.903.455	-	-	-
	<b>70.599.120.080</b>	-	<b>200.887.800</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

<sup>(1)</sup> Khoản đầu tư được phân loại theo chủ trương chuyển từ mục đích kinh doanh sang đầu tư vốn của Công ty.

<sup>(2)</sup> Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 28/03/2017 về chủ trương đầu tư vốn vào đơn vị khác để mở rộng ngành nghề kinh doanh, trong kỳ Công ty đã tiến hành mua 1.033.197 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Miền Đông và 1.662.187 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức Long An.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,91%	3,91%	Tư vấn quản lý, hoạt động thiết kế chuyên dụng
- Công ty Cổ phần Hóa An	Tỉnh Đồng Nai	8,47%	8,47%	Khai thác khoáng sản, xây lắp
- Công ty Cổ phần Miền Đông	Tỉnh Đồng Nai	10,01%	10,01%	Khai thác khoáng sản, xây lắp
- Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức Long An	Tỉnh Long An	17,24%	17,24%	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, cấu kiện bê tông cốt thép



**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Ban quản lý dự án Thành phố Thủ Dầu Một	7.577.998.827	6.259.885.827
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	6.961.453.219	1.292.933.517
- Ban quản lý huyện Dầu Tiếng	4.459.639.180	24.970.573.481
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương	728.253.000	6.030.532.000
- Ban quản lý huyện Phú Giáo	-	61.850.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	26.804.431.226	26.129.454.871
	<b>46.531.775.452</b>	<b>64.745.229.696</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải - Chi nhánh Lái Thiêu	4.568.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7	3.162.782.700	-	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Hoàng Trung Quân	2.656.328.495	-	-	-
Công ty TNHH MTV 751	2.567.290.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ánh Dương	1.438.295.244	-	952.538.162	-
Công ty TNHH Đại Phúc Đăng	952.538.162	-	-	-
Khách hàng khác	11.242.663.852	-	1.672.348.157	-
	<b>26.587.898.453</b>	<b>-</b>	<b>2.624.886.319</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về tạm ứng (*)	42.048.585.327	-	62.158.180.782	-
- Ký cược, ký quỹ	6.005.106.157	-	5.689.934.745	-
- Phải thu BHXH	-	-	1.467.405	-
- Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn	2.961.530.747	-	3.518.123.093	-
- Phải thu cổ tức được chia	516.598.500	-	637.960.000	-
- Phải thu khác	62.720.296	-	83.708.882	-
	<b>51.594.541.027</b>	<b>-</b>	<b>72.089.374.907</b>	<b>-</b>

(\*) Trong số dư phải thu về tạm ứng tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm khoản tạm ứng cho Ông Lê Ngọc Đệ với số tiền 23,7 tỷ đồng với mục đích đầu tư để mở rộng ngành nghề kinh doanh theo Nghị Quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/07/2016.

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty TNHH MTV Xây dựng Sắt thép Tiến Phát	660.504.913	-	660.504.913	-
+ Công ty TNHH Quang Phước	264.782.117	-	264.782.117	-
+ Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hoàng Minh Tâm	211.738.124	-	211.738.124	-
+ Đối tượng khác	387.214.227	49.393.214	367.248.056	66.647.021
	<b>1.524.239.381</b>	<b>49.393.214</b>	<b>1.504.273.210</b>	<b>66.647.021</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.851.099.496	(22.534.164)	11.503.678.150	(22.534.164)
Công cụ, dụng cụ	230.681.381	-	252.455.055	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.237.331.736	-	11.242.758.958	-
Thành phẩm	29.526.745.633	(174.546.717)	33.979.066.243	(181.386.470)
Hàng gửi đi bán	-	-	1.301.098.536	-
	<b>67.845.858.246</b>	<b>(197.080.881)</b>	<b>58.279.056.942</b>	<b>(203.920.634)</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công trình Xưởng bê tông Thạnh Phước (*)	20.768.996.214	4.629.470.770
- Công trình khác	2.378.379.087	1.022.001.654
	<b>23.147.375.301</b>	<b>5.651.472.424</b>

(\*) Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất công bê tông đúc sẵn và gạch không nung các loại tại Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương đã được Hội Đồng Quản Trị của Công ty thông qua theo Nghị Quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 13/08/2016. Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 11/04/2016, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương đã chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Công ty. Một số thông tin liên quan đến dự án như sau:

- + Mục tiêu của dự án: Sản xuất gạch không nung, công bê tông các loại, gạch terrazzo, gạch bê tông tự chèn và gạch block bê tông;
- + Tổng vốn đầu tư: 151,788 tỷ đồng;
- + Công suất tối đa: công bê tông các loại 50.000 cái/năm; sản phẩm cấu kiện bê tông khác 2.200 m<sup>3</sup>/năm; Gạch không nung các loại 18,5 triệu viên/năm;
- + Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm. Dự án được dự kiến đưa vào hoạt động sản xuất trong cuối năm 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	22.656.544.130	65.967.292.022	37.718.748.918	1.092.678.891	127.435.263.961
- Mua trong kỳ	-	165.000.000	3.411.790.909	-	3.576.790.909
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	280.772.151	-	-	280.772.151
- Thanh lý, nhượng bán	-	(94.050.000)	-	(52.023.984)	(146.073.984)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>22.656.544.130</b>	<b>66.319.014.173</b>	<b>41.130.539.827</b>	<b>1.040.654.907</b>	<b>131.146.753.037</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	11.369.133.661	45.535.223.633	17.509.840.284	1.014.895.922	75.429.093.500
- Khấu hao trong kỳ	580.358.328	1.868.341.386	2.480.994.829	49.177.939	4.978.872.482
- Thanh lý, nhượng bán	-	(78.375.010)	-	(52.023.984)	(130.398.994)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.949.491.989</b>	<b>47.325.190.009</b>	<b>19.990.835.113</b>	<b>1.012.049.877</b>	<b>80.277.566.988</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	11.287.410.469	20.432.068.389	20.208.908.634	77.782.969	52.006.170.461
Tại ngày cuối kỳ	10.707.052.141	18.993.824.164	21.139.704.714	28.605.030	50.869.186.049
Trong đó					
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				69.192.731.376	VND

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	78.581.967.427	517.920.000	79.099.887.427
- Mua trong kỳ	-	103.000.000	103.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>78.581.967.427</b>	<b>620.920.000</b>	<b>79.202.887.427</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	33.076.545.591	387.525.562	33.464.071.153
- Khấu hao trong kỳ	549.090.228	48.856.714	597.946.942
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>33.625.635.819</b>	<b>436.382.276</b>	<b>34.062.018.095</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	45.505.421.836	130.394.438	45.635.816.274
Tại ngày cuối kỳ	44.956.331.608	184.537.724	45.140.869.332

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 16.753.114.216 đồng.



**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư tại thời điểm 30/06/2017 đang được sử dụng để cho thuê bao gồm Trường mẫu giáo An Phú và các kios cho thuê tại Khu dân cư Nguyễn Văn Tiết với nguyên giá và hao mòn lũy kế là 4.823.833.632 đồng và 336.998.713 đồng.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.788.382.404	4.427.669.847
- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản <sup>(1)</sup>	3.420.747.720	6.841.495.440
- Chi phí sửa chữa xe, nhà kho Xí nghiệp Xây lắp	172.272.296	312.231.438
- Quyền sử dụng đất thuê Thạnh Phước <sup>(2)</sup>	50.182.034.221	50.694.968.131
+ Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	44.059.894.381	44.510.251.051
+ Chi phí thuê đất trả tiền một lần	6.122.139.840	6.184.717.080
- Tiền thuê đất trả một lần khu đất của Xí nghiệp công Long Nguyên	4.759.399.910	4.817.089.604
- Chi phí sửa chữa Văn phòng Công ty	1.012.424.944	1.229.373.148
- Tiền thuê đất trả một lần khu đất của Xí nghiệp Đá	886.465.370	896.388.488
	<b>64.221.726.865</b>	<b>69.219.216.096</b>

<sup>(1)</sup> Khoản phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá xây dựng tại mỏ đá Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2. Theo đó, tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá Tân Đông Hiệp xuống sâu đến cote -120m là 13.682.990.880 đồng, số tiền trên được phân bổ trong vòng 2 năm theo thời hạn khai thác đã được cấp phép.

<sup>(2)</sup> Giá trị Quyền sử dụng đất để triển khai thực hiện dự án Xưởng bê tông Thạnh Phước, khu đất nhận chuyển nhượng với diện tích 45.161,7 m<sup>2</sup> tại Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 621056 ngày 15/07/2016. Trong đó, giá trị nhận chuyển nhượng là 45,161 tỷ đồng và chi phí thuê đất trả tiền một lần theo Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2 chuyển từ hình thức Nhà Nước cho thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê. Giá trị tiền thuê đất là 6,216 tỷ đồng, thời hạn sử dụng đất đến ngày 03/06/2066.

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Đại Phúc Đăng	2.406.337.227	2.406.337.227	-	-
- Hợp tác xã Phúc Tài	2.370.109.813	2.370.109.813	2.066.474.392	2.066.474.392
- Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	1.266.897.600	1.266.897.600	637.213.440	637.213.440
- Công ty TNHH Vận tải Thương mại Dịch vụ Hào Thành	1.058.496.700	1.058.496.700	888.441.282	888.441.282
- Phải trả các đối tượng khác	19.406.826.932	19.406.826.932	18.091.366.383	18.091.366.383
	<b>26.508.668.272</b>	<b>26.508.668.272</b>	<b>21.683.495.497</b>	<b>21.683.495.497</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**16 . VAY VÀ NỢ**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Bình Dương - Vay thấu chi	-	-	35.491.496.945	35.491.496.945	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Bình Dương <sup>(1)</sup>	45.474.706.501	45.474.706.501	91.000.787.548	46.293.496.395	90.181.997.654	90.181.997.654
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Bình Dương <sup>(2)</sup>	-	-	2.135.631.150	-	2.135.631.150	2.135.631.150
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(3)</sup>	3.608.040.000	3.608.040.000	-	1.804.020.000	1.804.020.000	1.804.020.000
	<b>49.082.746.501</b>	<b>49.082.746.501</b>	<b>128.627.915.643</b>	<b>83.589.013.340</b>	<b>94.121.648.804</b>	<b>94.121.648.804</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(3)</sup>	17.205.400.000	17.205.400.000	-	1.804.020.000	15.401.380.000	15.401.380.000
	<b>17.205.400.000</b>	<b>17.205.400.000</b>	<b>-</b>	<b>1.804.020.000</b>	<b>15.401.380.000</b>	<b>15.401.380.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.608.040.000)	(3.608.040.000)	-	(1.804.020.000)	(1.804.020.000)	(1.804.020.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>13.597.360.000</b>	<b>13.597.360.000</b>			<b>13.597.360.000</b>	<b>13.597.360.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

<sup>(1)</sup> Hợp đồng số 042/2017/87982/HĐTD ngày 21/04/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 200 tỷ VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh;
- Thời hạn vay: kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 30/04/2018;
- Lãi suất vay: theo từng kế ước nhận nợ;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Số dư tiền gửi 13 tỷ đồng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 149/2016/87982/HĐBĐ ngày 18/11/2016. Quyền sử dụng đất số AP 934448 tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tổng giá trị 22.700.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 0154/2016/87982/HĐBĐ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 90.181.997.654 đồng.

<sup>(2)</sup> Hợp đồng số 17.510067/2017-HĐCVHM/NHCT640 -CTCP DAU TU XAY DUNG 3-2 ngày 18/5/2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 30 tỷ VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh;
- Thời hạn vay: kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 18/05/2018;
- Lãi suất vay: theo từng khế ước nhận nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số T313585 theo hợp đồng thế chấp số 09610202/HĐTC ngày 30/12/2009, giá trị tài sản đảm bảo theo Biên bản định giá lại số 02/BBĐGL ngày 19/12/2016 là 21.079.000.000 đồng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 2.135.631.150 đồng.

**Thông tin bổ sung khoản vay dài hạn:**

<sup>(3)</sup> Số dư tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm các hợp đồng sau:

<sup>(3.1)</sup> Hợp đồng tín dụng số 16.52.077/2016-HĐTD/NHCT640-CTCP DAU TU XAY DUNG 3-2 ngày 20/06/2016 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bù đắp chi phí đầu tư 06 phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất: 8% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất 10,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số T313585 theo hợp đồng thế chấp số 09610202/HĐTC ngày 30/12/2009, giá trị tài sản đảm bảo theo Biên bản định giá lại số 02/BBĐGL ngày 19/12/2016 là 21.079.000.000 đồng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 6.404.000.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm tới là 798.000.000 đồng.

<sup>(3.2)</sup> Hợp đồng tín dụng số 16.51.0160/2016-HĐTD/NHCT640-CTCP DAU TU XAY DUNG 3-2 ngày 17/10/2016 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 1.698.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bù đắp chi phí đầu tư 01 xe ô tô đầu kéo và 01 xe sơ mi romooc tải;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất: 7.5% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất 10,5%/năm;



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng các tài sản như sau:
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số T313585 theo hợp đồng thế chấp số 09610202/HĐTC ngày 30/12/2009, giá trị tài sản đảm bảo theo Biên bản định giá lại số 02/BBĐGL ngày 19/12/2016 là 21.079.000.000 đồng;
  - + Số dư tiền gửi 3,5 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp số 16.51.0070/HĐTC ngày 06/04/2016, Số dư tiền gửi 8 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp số 16.51.0151/HĐTC ngày 29/06/2016,
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 1.471.600.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm tới là 169.800.000 đồng.
- <sup>(3.3)</sup> Hợp đồng tín dụng số 16.51.0160/2016-HĐTD/NHCT640-CTCP DAU TU XAY DUNG 3-2 ngày 27/12/2016 với các điều khoản như sau:
- Hạn mức tín dụng: 8.362.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: bù đắp chi phí đầu tư 02 xe ô tô tải tự đồ và 01 máy hàn bán tự động lồng thép;
  - Thời hạn vay: 60 tháng;
  - Lãi suất: 7,5% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất 10,5%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số T313585 theo hợp đồng thế chấp số 09610202/HĐTC ngày 30/12/2009, giá trị tài sản đảm bảo theo Biên bản định giá lại số 02/BBĐGL ngày 19/12/2016 là 21.079.000.000 đồng;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 7.525.780.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm tới là 836.220.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Sở Giao thông vận tải Tỉnh Bình Dương	-	-	3.849.000.000	3.849.000.000
- Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Củ Chi	-	-	3.784.674.000	3.784.674.000
- Công ty CP Phân Bón Bình Điền	-	-	3.434.350.800	3.434.350.800
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	854.221.561	854.221.561	-	-
- Các khách hàng khác	6.450.487.963	6.450.487.963	5.758.592.610	5.758.592.610
	<b>7.304.709.524</b>	<b>7.304.709.524</b>	<b>16.826.617.410</b>	<b>16.826.617.410</b>

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.098.932.385	7.874.173.387	7.516.459.626	-	1.456.646.146
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.312.727.893	9.918.495.931	10.512.727.893	-	6.718.495.931
- Thuế thu nhập cá nhân	-	408.674.397	1.444.189.310	1.759.626.707	-	93.237.000
- Thuế tài nguyên	-	5.818.318.552	11.046.484.490	11.659.176.513	-	5.205.626.529
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.701.074.747	1.685.132.140	2.352.933.110	-	12.033.273.777
	-	<b>27.339.727.974</b>	<b>31.968.475.258</b>	<b>33.800.923.849</b>	-	<b>25.507.279.383</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Trích trước chi phí công trình	5.731.020.029	8.586.860.643
- Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	4.050.632.039	4.050.632.039
- Chi phí thuê đất	1.544.363.190	1.029.575.460
- Chi phí phải trả khác	1.561.000.000	1.069.506.638
	<b><u>12.887.015.258</u></b>	<b><u>14.736.574.780</u></b>

**20 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	102.979.960	98.964.600
- Bảo hiểm xã hội	52.176.677	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.457.203.155	17.203.155
- Phải trả tiền tạm giữ bảo hành của các đội thi công, thầu phụ	7.695.829.136	7.375.054.987
- Phải trả tiền thù lao Hội đồng quản trị	587.000.000	1.438.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	249.160.972	197.223.479
	<b><u>22.144.349.900</u></b>	<b><u>9.126.446.221</u></b>

**21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	429.107.147	284.604.282
	<b><u>429.107.147</u></b>	<b><u>284.604.282</u></b>

## 22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	112.000.000.000	-	75.176.884.813	138.510.189.158	325.687.073.971
Lãi trong kỳ	-	-	-	49.290.108.216	49.290.108.216
Trích lập các quỹ	-	-	27.347.520.561	(27.347.520.561)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(10.128.711.319)	(10.128.711.319)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(1.728.540.000)	(1.728.540.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>102.524.405.374</b>	<b>135.155.525.494</b>	<b>349.679.930.868</b>
Số dư đầu kỳ này	112.000.000.000	-	102.524.405.374	165.752.006.322	380.276.411.696
Lãi trong kỳ	-	-	-	40.627.781.146	40.627.781.146
Trích lập các quỹ	-	-	25.198.179.042	(25.198.179.042)	-
Phát hành cổ phiếu ESOP 2017 (*)	2.240.000.000	2.190.000.000	-	-	4.430.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng 2017 (*)	22.399.920.000	-	(22.399.920.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.666.329.452)	(4.666.329.452)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(1.866.531.781)	(1.866.531.781)
Chia cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>136.639.920.000</b>	<b>2.190.000.000</b>	<b>105.322.664.416</b>	<b>161.208.747.193</b>	<b>405.361.331.609</b>

(\*) Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, Công ty đã tiến hành phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như sau:

- + Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 224.000 cổ phiếu, giá phát hành 20.000 đồng/cổ phiếu. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 2.240.000.000 đồng, thời điểm hoàn thành việc tăng vốn là 30/06/2017.
- + Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 2.239.992 cổ phiếu, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 22.399.920.000 đồng, thời điểm hoàn thành việc tăng vốn là 30/06/2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHCD ngày 21 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2016	100,00	93.326.589.044
Trích Quỹ đầu tư phát triển	27,00	25.198.179.042
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5,00	4.666.329.452
Trích quỹ thưởng ban điều hành	2,00	1.866.531.781
Chi trả cổ tức 24%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.400 đồng)	28,80	26.880.000.000
- Đã tạm ứng 12% trong năm 2016		13.440.000.000
- Chia 12% còn lại trong kỳ này		13.440.000.000
Lợi nhuận còn lại năm 2016 chưa phân phối	37,20	34.715.548.769

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	30/06/2017	Tỷ lệ	01/01/2017
	%	VND	%	VND
- America LLC	6,77	9.251.160.000	6,88	7.709.300.000
- PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	5,41	7.396.800.000	5,50	6.164.000.000
- PETER ERIC DENNIS	7,55	10.309.680.000	7,67	8.591.400.000
- Cổ đông khác	80,27	109.682.280.000	79,94	89.535.300.000
	100	136.639.920.000	100	112.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	112.000.000.000	112.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	24.639.920.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	136.639.920.000	112.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)

d) Cổ phiếu	30/06/2017	01/01/2017
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.663.992
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	13.663.992	11.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	13.663.992	11.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	105.322.664.416	102.524.405.374
	105.322.664.416	102.524.405.374



**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng Văn Hải	484.735.894	484.735.894
- Các đối tượng khác	810.668.556	889.502.400
	<b>1.295.404.450</b>	<b>1.374.238.294</b>

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	172.459.122.109	155.809.210.200
Doanh thu bán hàng hóa	28.020.396.341	27.406.579.786
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.196.657.859	2.815.906.883
Doanh thu kinh doanh bất động sản	311.818.176	54.545.455
Doanh thu hợp đồng xây dựng	45.143.796.442	51.159.382.410
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	<i>45.143.796.442</i>	<i>47.731.939.663</i>
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính</i>	<i>195.235.796.895</i>	<i>296.188.407.739</i>
	<b>248.131.790.927</b>	<b>237.245.624.734</b>

**25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Hàng bán bị trả lại	332.679.000	3.427.442.747
	<b>332.679.000</b>	<b>3.427.442.747</b>

**26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	113.204.336.912	89.250.760.089
Giá vốn của hàng hóa đã bán	25.986.094.390	25.195.826.670
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.629.309.822	1.473.724.715
Giá vốn kinh doanh bất động sản	196.715.035	740.843
Giá vốn hoạt động xây dựng	44.371.262.288	48.535.225.282
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	156.665.715
	<b>185.387.718.447</b>	<b>164.612.943.314</b>

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.387.934.159	3.077.277.506
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	1.928.608.880
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.275.920.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.408.126
	<b>5.663.854.159</b>	<b>5.009.294.512</b>

**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	2.432.023.101	898.889.236
	<b>2.432.023.101</b>	<b>898.889.236</b>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân công	315.802.016	339.953.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.733.523.218	6.664.583.661
	<b>8.049.325.234</b>	<b>7.004.536.734</b>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	189.011.361	47.144.992
Chi phí nhân công	4.321.819.670	4.380.860.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	405.748.603	370.396.760
Chi phí dự phòng	37.219.978	13.582.637
Thuế, phí, lệ phí	8.000.000	943.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	758.980.551	852.169.737
Chi phí khác bằng tiền	1.894.440.206	1.911.254.054
	<b>7.615.220.369</b>	<b>7.576.352.637</b>

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập từ nhận đền bù thu hồi đất	-	3.365.720.000
Cho thuê đất và nhà tại Khu dân cư Nguyễn Văn Tiết	124.222.262	153.251.027
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	69.672.201	-
Thu nhập từ xử lý nợ không phải trả	319.983.745	-
Thu nhập khác	137.763.621	217.701.448
	<b>651.641.829</b>	<b>3.736.672.475</b>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Khoản phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	82.977.687	446.417.281
Chi phí khác	1.066.000	552.540
	<b>84.043.687</b>	<b>446.969.821</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50.546.277.077	62.024.457.232
Các khoản điều chỉnh tăng	322.122.576	1.647.287.852
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.275.920.000)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	49.592.479.653	63.671.745.084
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.918.495.931</b>	<b>12.734.349.016</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	7.312.727.893	13.189.496.465
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(10.512.727.893)	(17.389.496.465)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>6.718.495.931</b>	<b>8.534.349.016</b>

**34 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.173.818.546	2.173.818.546
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>2.173.818.546</b>	<b>2.173.818.546</b>

**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	40.627.781.146	49.290.108.216
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	40.627.781.146	49.290.108.216
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	11.200.000	11.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.627</b>	<b>4.401</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	102.608.911.998	73.737.500.307
Chi phí nhân công	29.528.776.081	26.697.660.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.576.819.424	4.705.547.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.786.300.835	47.815.521.638
Chi phí khác bằng tiền	24.093.707.880	23.253.362.801
	<b>212.594.516.218</b>	<b>176.209.592.790</b>

**37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.440.552.094	-	26.696.985.962	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	98.126.316.479	(1.474.846.167)	136.834.604.603	(1.437.626.189)
Các khoản cho vay	122.591.875.342	-	123.095.703.125	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	27.821.819.275	-
Đầu tư dài hạn	70.599.120.080	-	200.887.800	-
	<b>340.757.863.995</b>	<b>(1.474.846.167)</b>	<b>314.650.000.765</b>	<b>(1.437.626.189)</b>

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	107.719.008.804	62.680.106.501
Phải trả người bán, phải trả khác	48.653.018.172	30.809.941.718
Chi phí phải trả	12.887.015.258	14.736.574.780
	<b>169.259.042.234</b>	<b>108.226.622.999</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Đầu tư dài hạn	-	70.599.120.080	-	70.599.120.080
	-	<b>70.599.120.080</b>	-	<b>70.599.120.080</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	27.821.819.275	-	-	27.821.819.275
Đầu tư dài hạn	-	200.887.800	-	200.887.800
	<b>27.821.819.275</b>	<b>200.887.800</b>	-	<b>28.022.707.075</b>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.440.552.094	-	-	49.440.552.094
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.651.470.312	-	-	96.651.470.312
Các khoản cho vay	122.591.875.342	-	-	122.591.875.342
	<b>268.683.897.748</b>	<b>70.599.120.080</b>	-	<b>339.283.017.828</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.696.985.962	-	-	26.696.985.962
Phải thu khách hàng, phải thu khác	135.396.978.414	-	-	135.396.978.414
Các khoản cho vay	123.095.703.125	-	-	123.095.703.125
	<b>313.011.486.776</b>	<b>200.887.800</b>	-	<b>313.212.374.576</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	94.121.648.804	13.597.360.000	-	107.719.008.804
Phải trả người bán, phải trả khác	48.653.018.172	-	-	48.653.018.172
Chi phí phải trả	12.887.015.258	-	-	12.887.015.258
	<b>155.661.682.234</b>	<b>13.597.360.000</b>	<b>-</b>	<b>169.259.042.234</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	49.082.746.501	13.597.360.000	-	62.680.106.501
Phải trả người bán, phải trả khác	30.809.941.718	-	-	30.809.941.718
Chi phí phải trả	14.736.574.780	-	-	14.736.574.780
	<b>94.629.262.999</b>	<b>13.597.360.000</b>	<b>-</b>	<b>108.226.622.999</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**38. THÔNG TIN KHÁC**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản (khai thác đá). Theo điều 77 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 và Nghị định số 203/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ, Công ty sẽ phải nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản căn cứ vào Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ Cơ quan Thuế.

Từ năm 2013, Công ty đã trích trước khoản phải phí cấp quyền khai thác khoáng sản từ khi Luật khoáng sản năm 2010 có hiệu lực, theo đó phí cấp quyền khai thác khoáng sản qua các năm phải nộp như sau:

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	Giá trị	Số đã nộp	Số còn phải nộp tại
			30/06/2017
	VND	VND	VND
Năm 2013	10.869.092.730	-	10.869.092.730 (*)
Năm 2014	3.221.030.340	(3.221.030.340)	-
Năm 2015	7.986.260.880	(7.986.260.880)	-
Năm 2016	13.682.990.880	(13.682.990.880)	- (**)
<b>Cộng</b>	<b>22.076.383.950</b>	<b>(11.207.291.220)</b>	<b>10.869.092.730</b>

(\*) Khoản phí tính từ năm 2011 - thời điểm Luật Khoáng sản có hiệu lực đến năm 2013. Theo Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 18/09/2015, UBND tỉnh Bình Dương đã phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá của Công ty xuống cote -100m, khoản phí này tạm thời Ngân sách Nhà nước chưa thu cho đến khi có văn bản yêu cầu nộp của Cơ quan có thẩm quyền.

(\*\*) Khoản phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá của Công ty xuống cote -120m, tổng trữ lượng tính quyền khai thác là 1.949.144 m<sup>3</sup>.

**39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	45.143.796.442	172.126.443.109	30.528.872.376	247.799.111.927
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh</b>	<b>772.534.154</b>	<b>59.254.785.197</b>	<b>2.384.074.129</b>	<b>62.411.393.480</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	21.456.465.937	377.525.175	21.833.991.112
Tài sản bộ phận	113.203.428.001	431.627.486.949	76.554.771.161	621.385.686.112
Tài sản không phân bổ	-	2.173.818.546	-	2.173.818.546
<b>Tổng tài sản</b>	<b>113.203.428.001</b>	<b>433.801.305.495</b>	<b>76.554.771.161</b>	<b>623.559.504.658</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	39.751.126.756	151.565.012.190	26.882.034.104	218.198.173.049
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>39.751.126.756</b>	<b>151.565.012.190</b>	<b>26.882.034.104</b>	<b>218.198.173.049</b>

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác đá và xây lắp chủ yếu phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
- Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	2.393.128.292	2.534.325.350

**42 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ này và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Võ Văn Lãnh



# HÃNG KIỂM TOÁN AASC

## **AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH**

**T:** (84) 24 3824 1990 | **F:** (84) 24 3825 3973

**E:** [aasc@aasc.com.vn](mailto:aasc@aasc.com.vn)

**A:** Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## **AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**

**T:** (84) 28 3945 0505 – (84) 28 3945 0606 | **F:** (84) 28 3945 1106

**E:** [aaschcm@aasc.com.vn](mailto:aaschcm@aasc.com.vn)

**A:** Lầu 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Hồ Chí Minh

## **AASC TẠI QUẢNG NINH**

**T:** (84) 203 3627 571 | **F:** (84) 203 3627 572

**E:** [aascqn@aasc.com.vn](mailto:aascqn@aasc.com.vn)

**A:** Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh